

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+GTC1+RP3	7:25	5+6+11	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
2		TD3+CTK3+P2	7:25	3+19+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
3		TD2	7:25	19	0		19	0	
4		RP3+TD1+P9	9:25	12+9+0	0+0+0		11+2+9	0+0+0	
5		CTK3+GTC1	9:25	20+2	0+0		17+5	0+0	Đã PVL - máy bay 1 x 1/4/8/1/3
6		TD2 + P5	11:25	19	0		18	0	Ngủ nhà KT mặt

TTĐĐSX

1/ Đi về trong ngày GTC1 - 3 người



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK16 - GTC1 - RP3	CREW: HUNG - Mạnh - Luy	ETA: 09:20
CARGO-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HUNG	BK16	33	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	16	1	5	40	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUÂN	BK16	14	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH DIỆN	BK16	12	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH CHIÊN	BK16	13	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỌ	GTC1	38	1	10		91	D-HANH	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG HIỆP	GTC1	36	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ CAO BIÊN	GTC1	35	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRƯỜNG AN	GTC1	39-41	3	20		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC KIỂM	GTC1	37	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VUI	RP3	40	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ VĂN TUÂN	RP3	39	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO QUỐC HUNG	RP3	32	1	20		61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM HUƠNG	RP3	36-37	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN TUNG	RP3	34-35	2	15	40	58	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ XUÂN LẬP	RP3	42-43	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM HOANG	RP3	41	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HE	RP3	48-49	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ HỒNG THANH	RP3	33	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
21	HUỲNH ĐỨC TÂM	RP3	38	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP3	44-45	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	28	347	40	5		
2	GTC1	6	8	61	443	0	6		
3	RP3	11	16	164	708	40	11		
TOTAL		22	29	253	1.498	80	22		
WEIGHT KG				253	1.498	80			

GRAND TOTAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - CTK3 - P2	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 09:25
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN ANH	TD3	09-10	2	20		73	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HUÂN	TD3	08	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH HUNG	TD3	11	1	17		83	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DOANH	CTK3	78	1	4		65	VIỆT PHA	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐẠI	CTK3	51	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HẢI	CTK3	72	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	67	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CTK3	75	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	66	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN THAI	CTK3	70	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	98	1	7	14	82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	49	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	71	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	73-74	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	99	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	65	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	76	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TẤN	CTK3	11	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SỸ LONG	CTK3	50	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	97	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	42	218	0	1		
2	CTK3	19	19	125	1.334	14	17		
3	P2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	167	1.552	14	22		
WEIGHT KG				167	1.552	14			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:25
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hoài - KIÊN	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG QUÝ	TD2					60	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN THÀNH	TD2	31	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN THUY	TD2	35	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TAM	TD2	42-43	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHANG	TD2	37	1	3		83	YTE	Vietnamese
6	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	44	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ MINH ĐỨC	TD2	33	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	39-40	2	7		69	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	36	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC THANH	TD2	41	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ VĂN LINH	TD2	46	1	5	60	84	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ THẬP TOÀN	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ĐỨC THÂN	TD2	32	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH VĂN TÀI	TD2	38	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	30	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	34	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN MINH-PVDT	TD2	45	1	5		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	17	70	1.259	60	19		
TOTAL		18	17	70	1.259	60	19		
WEIGHT KG				70	1.259	60			

GRAND TOAL: 1.389 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: RP3 - TD1 - P9	CREW: HUNG - Mạnh - Luy	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN KHÁNH	RP3	99,900	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	HỒ NGUYỄN HẬU	RP3	56-57	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	RP3	60-61	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM TIẾN ĐẠT	RP3	50-51	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	RP3	63	1	17		86	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CHIÊU	RP3	55	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	THƯỢNG QUANG TRUNG	RP3	52	1	13		87	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN ĐĂNG	RP3	54	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
9	IVANOV MAXIM	RP3	59	1	17		117	XAYLAP	Russian
10	NGUYỄN HẠM CHUNG	RP3	58	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÝ	RP3	62	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN HỘI	RP3	53	1	15		53	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD1	75	1	17		75	DVL	Vietnamese
14	KRAVTSOV ALEXANDR	TD1	76-77	2	20		75	DVL	Russian
15	TÔNG TIẾN QUANG	TD1	79	1	15		75	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	80	1	12		69	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH KHA	TD1	78	1	14		68	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC NINH	TD1	82	1	12		73	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	300	1	17		70	DVL	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG HÀ	TD1	83,98	2	14		79	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN NGỌC TIẾN	TD1	81	1	9		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	16	177	877	0	11		
2	TD1	9	11	130	644	0	2		
3	P9	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		21	27	307	1.521	20	22		
WEIGHT KG				307	1.521	20			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - GTC1	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	27	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	18	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	01	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐÌNH THẨM	CTK3	04	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH HOAT	CTK3	07	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	05	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	11	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	19-21	3	15		67	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	16	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIÊN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	CTK3	06	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN THAO	CTK3	14-15	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỮU CHÍNH	CTK3	12	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ BA HÒA	CTK3	02	1	16		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LONG	CTK3	17	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ QUANG TRUNG	CTK3	08	1	10		51	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BÀU	CTK3	22	1	5		59	ANTOAN	Vietnamese
19	LÊ TU ANH	CTK3	09-10	2	16		62	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	72	1	3	35	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	22	174	1.268	0	17		
2	GTC1	2	2	8	132	35	5		
TOTAL		21	24	182	1.400	35	22		
WEIGHT KG				182	1.400	35			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	TO: TD2 - P5	CREW: MTiến - MMinh	ETA: 14:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC TOÀN	TD2	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÁC	TD2	57-58	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG VĂN MẠNH	TD2	98-99	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRẦN SƠN	TD2	68	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HOAN	TD2	55-56	2	17		78	DVL	Vietnamese
6	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	54	1	10		80	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỂU	TD2	52	1	16		87	DVL	Vietnamese
8	THẠCH KIM SƠN	TD2	51	1	5	25	71	GETRACO	Vietnamese
9	HÀ KIM LINH	TD2	69	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
10	ĐÌNH QUANG HẢI	TD2	53	1	6		67	GETRACO	Vietnamese
11	LUƠNG CÔNG ĐẠT	TD2	93,800	2	19		69	YTE	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOA	TD2	97	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	HỒ VĂN TỈNH	TD2	60	1	4		56	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	TD2					65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HỮU	TD2	59	1	6		62	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY TUẤN	TD2	70	1	5		75	PVD	Vietnamese
17	HUYNH HIỂU NGHĨA	TD2	94	1	10		80	PVD	Vietnamese
18	TRỊNH QUANG TIẾN	TD2	95	1	10		69	MI-SWASC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	21	142	1.235	25	18		
2	P5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	21	142	1.235	25	19		
WEIGHT KG				142	1.235	25			

GRAND TOAL: 1.402 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN